

Số: 07/2020/QĐST-DS

Quỳnh Phụ, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị H sinh năm 1971

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị A sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lương Thị B sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tổ A, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

2. Bà Lương Thị M sinh năm 1969; Nơi cư trú: tổ C, thị trấn B, huyện P, tỉnh Thái Bình

- *Người thừa kế thế vị của Ông Lương Văn L sinh năm 1974 (đã chết), các con ông L gồm:*

1. Chị Lương Thị K sinh ngày 15/10/1992; Nơi cư trú: Thôn Hưng Hòa, xã An Lễ, huyện P, tỉnh Thái Bình

2. Cháu Lương Hồng L sinh ngày 23/9/2002

3. Cháu Lương Thị Xuân B sinh ngày 15/01/2005

Người đại diện hợp pháp cho cháu L và cháu B: Bà Trần Thị A sinh năm 1976 – Là mẹ đẻ

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Cụ Lương Văn X chết năm 1994, cụ Phạm Thị S chết năm 2019, cả hai cụ chết đều không để lại di chúc và có để di sản thừa kế là 305.0m² đất ở. Di sản thừa kế này chưa di tặng cho ai và chưa chia.

Di sản chia thừa kế 305.0m² đất ở, tại thửa số 1555, tờ bản đồ số 02. Nay là thửa số 305, tờ bản đồ số 40, địa chỉ: Thôn N, xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình. Sau khi khảo sát, đo đạc thực tế có diện tích 545,6 m², diện tích tăng lên 240,6m² (545,6 m² - 305m²), các đương sự đều xác nhận diện tích đất tăng lên là do lấn chiếm và đều thống nhất chỉ chia thừa kế là diện tích đất ở 305m², có số đo các cạnh như sau: phía Bắc giáp diện tích đất lấn chiếm dài 14.60m; phía Nam giáp đất lấn chiếm dài 10.32m, giáp rãnh thoát nước 5.68m; phía Đông giáp đất lấn chiếm dài 8.76m + 0.53m + 10.71m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L dài 7.35m + 6.00m + 4.55m, giáp đường giao thông 1.82m + 0.69m. Trị giá 305.0m² x 900.000 đồng/m² = 274.500.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trên đất có tài sản do bà Trần Thị A, ông Lương Văn L xây dựng hiện tại bà A đang quản lý, sử dụng gồm: một phần nhà ở 01 tầng + 02 tầng xây dựng năm 2015 giá trị 541.631.040 đồng; mái chống nóng lợp tôn 24,1m² giá trị 7.254.100 đồng; mái chống nóng fibroximang 13,4m² giá trị 1.618.000 đồng; nhà tắm trên có bể nước 3.6m² giá trị 7.052.400 đồng; tường bao trước nhà 5.1m³ giá trị 3.685.171 đồng; một phần nhà 1 tầng mái tôn giáp nhà 1 tầng mái fibroximang (toàn bộ nhà tầng 1 mái tôn có diện tích 17.9m² giá trị là 23.150.887 đồng).

- Trên đất có tài sản do bà Lương Thị H xây dựng hiện tại bà H đang quản lý, sử dụng gồm: nhà một tầng 61.9m² do bà H xây dựng năm 2016 giá trị 143.288.516 đồng; sân, mái lợp tôn 21.4m² giá trị 8.695.890 đồng và tường bao cạnh nhà 3,4m³ trị giá 2.482.642 đồng.

- Ngoài ra trên đất chia thừa kế còn một số cây cối, hoa màu khác các đương

sự thỏa thuận ai được chia phần đất đến đâu được hưởng tài sản đến đó, các tài sản khác của ai người đó tự tháo dỡ và không yêu cầu định giá và tự giải quyết.

2.2. Người thừa kế và kỹ phần nhận di sản:

- Người thừa kế gồm: Bà Lương Thị B, bà Lương Thị M, bà Lương Thị H và ông Lương Văn L .

Do ông Lương Văn L chết năm 2016 nên các con ông L là người thừa kế thế vị gồm: chị Lương Thị K, cháu Lương Hồng L và cháu Lương Thị Xuân B. Các con của ông L đều thống nhất phần di sản mà họ được hưởng của ông L sẽ để lại cho mẹ đẻ là bà Trần Thị A được quản lý và sử dụng.

Các đương sự thống nhất chia di sản thừa kế thành 05 kỹ phần, mỗi kỹ phần là $305,0m^2 : 5 = 61,0m^2 \times 900.000 \text{ đồng}/m^2 = 54.000.000 \text{ đồng}$ (*Năm mươi tư triệu đồng*), trong đó 04 kỹ phần chia cho người thừa kế, 01 kỹ phần là công sức bảo quản duy trì, tôn tạo di sản của ông Lương Văn L và bà Trần Thị A được hưởng.

Bà Lương Thị M, bà Lương Thị B và Lương Thị H thống nhất phần di sản mà các bà được hưởng sẽ để lại cho bà Lương Thị H nên bà H sẽ được nhận toàn bộ phần của bà B và bà M, do đó bà H được 03 kỹ phần, bà A được 02 kỹ phần.

2.3. Di sản thừa kế được chia cụ thể như sau:

- Bà Lương Thị H được chia và sử dụng $180,9m^2$, giá trị $180,9m^2 \times 900.000 \text{ đồng}/m^2 = 162.810.000 \text{ đồng}$ (*Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười nghìn đồng*)

+ Diện tích đất $180,9m^2$, trong đó có diện tích đang làm ngõ đi $15,5m^2 + 12,8m^2 = 28,3m^2$. Phần diện tích của bà H được chia có số đo các cạnh như sau: phía Bắc giáp đất bà A được chia và sử dụng dài $5.04m + 8.36m$; phía Nam giáp đất lần chiếm dài $10.32m$, giáp rãnh thoát nước $5.68m$; phía Đông giáp đất lần chiếm dài $10.71m$; phía Tây giáp ông Nguyễn Xuân C, bà Nguyễn Thị L dài $1.82m + 7.35m + 6.00m + 4.55m$ và giáp với phần diện tích đất bà A được chia dài $0.83m + 1.04m + 0.54m + 7.39m$. Trên đất có 01 nhà mái bằng 01 tầng do bà H xây năm 2016 diện tích $61.9m^2$ trị giá $143.288.516 \text{ đồng}$, sân mái lợp tôn $21.4m^2$ trị giá $8.695.890 \text{ đồng}$; các công trình do bà A xây dựng gồm: nhà một tầng mái fibroximang $13,4m^2$ giá trị $1.618.000 \text{ đồng}$; nhà tắm trên có bể nước giá trị $7.052.400 \text{ đồng}$; đoạn tường xây trị giá là 700.000 đồng ; một phần mái chống nóng lợp tôn (mái chống nóng lợp tôn $24,1m^2$ giá trị $7.254.100 \text{ đồng}$; một phần nhà tầng một mái tôn (toàn bộ nhà tầng 1 mái tôn có diện tích $17.9m^2$ có giá trị $23.150.887 \text{ đồng}$).

+ Bà Lương Thị H nhận trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị A số tiền $7.480.400 \text{ đồng}$ (*Bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng*)

- Bà Trần Thị A được chia và sử dụng $124,1\text{m}^2$ giá trị $124,1\text{m}^2 \times 900.000 \text{ đồng/m}^2 = 111.690.000 \text{ đồng}$ (*Một trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*)

Diện tích đất $124,1\text{m}^2$ có số đo các cạnh như sau: phía Bắc giáp đất lần chiếm dài 14.60m ; phía Nam giáp đất bà H được chia dài $5.04\text{m} + 8.36\text{m}$; phía Đông giáp đất lần chiếm dài $8.76\text{m} + 0.53\text{m}$; phía Tây giáp ngõ đi của bà H dài $0.83\text{m} + 1.04\text{m} + 0.54\text{m} + 7.39\text{m}$. Trên đất có các tài sản do bà Trần Thị A, ông Trần Văn L xây dựng gồm: một phần nhà ở 01 tầng + 02 tầng xây dựng năm 2015 giá trị $541.631.040 \text{ đồng}$, một phần mái chống nóng lợp tôn (mái chống nóng lợp tôn $24,1\text{m}^2$ giá trị $7.254.100 \text{ đồng}$); tường bao trước nhà dài $0.83\text{m} + 1.04\text{m} + 0.54\text{m} + 7.39\text{m}$, có giá trị $2.950.000 \text{ đồng}$.

Bà Trần Thị A nhận số tiền từ bà Lương Thị H thanh toán là $7.480.400 \text{ đồng}$ (*Bảy bốn trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng*).

(*Diện tích phần đất bà Lương Thị H và bà Trần Thị A được chia có sơ đồ kèm theo*)

2.4. Bà Trần Thị A có trách nhiệm tự tháo dỡ: phần mái chống nóng lợp tôn giáp khu nhà ở hai tầng của bà A và một phần nhà 1 tầng mái tôn giáp nhà 1 tầng mái fibroximang bị chồng lấn để bàn giao đất cho bà H theo nội dung đã thỏa thuận.

2.5. Về chi thẩm định, định giá tài sản và chi phí tố tụng: Các bên đã tự thỏa thuận và thoả toán với nhau xong.

2.6. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao và chia toàn bộ diện tích đất nông nghiệp $622,1\text{m}^2$ của cụ Phạm Thị S mà trước đó do bà Trần Thị A quản lý, sử dụng cho bà Lương Thị H được quản lý, sử dụng (*Bà A và bà H đã giao nhận cho nhau vào tháng 7/2020*)

2.7. Về án phí:

- Bà Lương Thị H nhận chịu $5.490.000 \text{ đồng}$ (*Năm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 629.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004419 ngày 12/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí. Bà H còn phải nộp tiếp $4.861.000 \text{ đồng}$ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

- Bà Trần Thị A nhận chịu $1.559.510 \text{ đồng}$ (*Một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm mười đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã AN, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)